

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo quyết định số: 1621/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 19 tháng 7 năm 2013
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

Tên chương trình: **Quản trị doanh nghiệp
(Enterprise Administration)**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**
Mã ngành: **52340101**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Đại học Chính quy Quản trị doanh nghiệp nhằm trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kỹ thuật chuyên môn toàn diện, năng lực thực hành nghề nghiệp cơ bản, năng lực tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng nhanh với những biến đổi trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp; có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức được đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh, rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Có kiến thức khoa học cơ bản và cơ sở cần thiết để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;
- Có kiến thức chuyên môn toàn diện để giải quyết các vấn đề về: quản trị doanh nghiệp, quản trị dự án, quản trị chiến lược,... để nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và tổ chức công tác quản trị sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa;
- Có kiến thức công nghệ thông tin, ngoại ngữ để khai thác, nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

1.2.2. Kỹ năng

- Phân tích, lựa chọn mô hình quản trị; thực hiện được các chức năng, lĩnh vực quản trị trong doanh nghiệp;
- Lập, tổ chức thực hiện và điều chỉnh được các kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp;

- Khai thác, thu thập, phân tích và tổng hợp được các số liệu, dữ liệu để làm căn cứ ra quyết định quản trị của doanh nghiệp;
- Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, đàm phán, lãnh đạo và làm việc theo nhóm; kỹ năng viết, trình bày và giải quyết vấn đề đặt ra;
- Vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin và một số phần mềm quản trị trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

1.2.3. Thái độ

- Ý thức được vai trò quan trọng của công tác quản trị và nhà quản trị trong các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó nâng cao trách nhiệm của bản thân trong việc cung cấp thông tin cho các nhà quản lý;
- Rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc, tinh thần phối hợp và hợp tác trong công việc;
- Ý thức trách nhiệm của bản thân đối với phát triển kinh tế xã hội, xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Tích cực, chủ động sáng tạo trong công việc; không ngừng học tập, rèn luyện đạo đức, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học để tự học suốt đời.

1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm được các vị trí: Giám đốc điều hành hoặc chuyên viên tại các phòng chức năng của các doanh nghiệp; trợ lý cho các nhà quản lý trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giáo viên giảng dạy và nghiên cứu về quản trị kinh doanh tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Có trình độ tiếng Anh tương đương 400 điểm TOEIC

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 143 tín chỉ, hai học phần bắt buộc là Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC) sẽ được cấp chứng chỉ riêng.

Lượng tín chỉ phân bổ cho các khối kiến thức được trình bày trong bảng sau:

STT	KHỐI KIẾN THỨC	BẮT BUỘC	TỰ CHỌN	TỔNG
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	32	4	36
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95	12	107
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	35	6	41
2.2	Kiến thức ngành	40	6	46
2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp	8		8
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2.5	Khóa luận tốt nghiệp	8		8
	Tổng cộng	127	16	143

4. Đối tượng đào tạo

Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp

* Điều kiện nhập học: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

* Điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục - Đào tạo).

6. Thang điểm

* Thang điểm 10: được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm ...) sử dụng thang điểm 10.

* Thang điểm 4: là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần (trừ 02 học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh cấp chứng chỉ).

7. Nội dung chương trình

7.1. Tên và khối lượng các học phần

7.1.1. Kiến thức Giáo dục đại cương: Tổng số 36 TC

Bao gồm 32 TC các học phần bắt buộc (không kể Giáo dục thể chất 5 đvht, Giáo dục Quốc phòng - An ninh 8 TC) và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		32 TC
7.1.1.1	Lý luận chính trị		12 TC
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	DC1LL01	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	DC1LL02	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC1LL03	2
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DC1LL04	3
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	DC1LL05	2
7.1.1.2	Ngoại ngữ		8 TC
6	Tiếng Anh 1	DC1CB31	4
7	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4
7.1.1.3	Toán, khoa học tự nhiên, tin học, công nghệ, môi trường		12 TC
8	Toán 1	DC1CB17	4
9	Toán 2	DC1CB18	2
10	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB19	3
11	Tin học đại cương	DC1TT42	3

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
7.1.1.4	Giáo dục thể chất (cấp chứng chỉ riêng)		5 đvht
12	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	DC1TD01	1 đvht
13	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	DC1TD02	1 đvht
14	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht
15	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht
16	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	DC1TD05	1 đvht
7.1.1.5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (cấp chứng chỉ riêng)		8 TC
17	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	DC1QP01	3 TC
18	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	DC1QP02	2 TC
19	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	DC1QP03	3 TC
	* Học phần tự chọn		4 / 8 TC
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2
2	Tâm lý học đại cương	DC1CB85	2
3	Đại cương về bảo hiểm	DC1CB86	2
4	Soạn thảo văn bản	DC1CB82	2

7.1.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Tổng số 107 TC

7.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: Tổng số 41 TC

Bao gồm 35 TC các học phần bắt buộc và 6 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		35 TC
1	Kinh tế vi mô	DC2KV61	3
2	Kinh tế vĩ mô	DC2KV62	3
3	Nguyên lý thống kê kinh tế	DC2KV71	3
4	Marketing căn bản	DC2KV74	3
5	Quản trị học	DC2KV73	3
6	Nguyên lý kế toán	DC2KV68	3
7	Tài chính - Tiền tệ	DC2KV67	3
8	Pháp luật kinh tế	DC2KV77	3
9	Kinh tế lượng	DC2KV63	3
10	Chiến lược phát triển doanh nghiệp	DC2QT83	2
11	Kế toán doanh nghiệp	DC2KV80	4
12	Văn hóa kinh doanh	DC2CB94	2
	* Học phần tự chọn		6 / 12 TC
1	Kinh tế xây dựng	DC2KV65	2
2	Thương mại điện tử	DC2KV90	2
3	Kinh tế quốc tế	DC2KV82	2
4	Kinh tế vận tải	DC2KV84	2
5	Kinh tế phát triển	DC2KV83	2

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
6	Thị trường chứng khoán	DC2KV92	2

7.1.2.2. Kiến thức ngành: Tổng số 46 TC

Bao gồm 40 TC các học phần bắt buộc và 6 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		40 TC
1	Tiếng Anh 3	DC3QT33	3
2	Quản trị tài chính doanh nghiệp	DC3QT64	3
3	Thống kê kinh doanh	DC3KV31	2
4	Phân tích hoạt động kinh doanh	DC3KV32	3
5	Quản trị sản xuất 1	DC3QT61	3
6	Quản trị sản xuất 2	DC3QT62	3
7	Quản trị nhân sự	DC3QT65	3
8	Quản trị marketing	DC3QT66	3
9	Quản trị chất lượng	DC3QT67	2
10	Quản trị dự án đầu tư	DC3QT68	3
11	Quản trị chiến lược	DC3QT63	3
12	Quản trị doanh nghiệp	DC3QT51	3
13	Đồ án Quản trị doanh nghiệp	DC3QT52	2
14	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	DC3QT12	2
15	Quản trị hành chính văn phòng	DC3QT53	2
	* Học phần tự chọn		6 / 10 TC
1	Hệ thống thông tin quản lý	DC3QT94	2
2	Tâm lý học trong quản trị	DC3QT11	2
3	Quản trị rủi ro	DC3QT69	2
4	Quản trị Logistic	DC3QT70	2
5	Quản trị thương hiệu	DC3QT71	2

7.1.2.3. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (20 TC bắt buộc):

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
7.1.2.3.1	Thực hành, thực tập nghề nghiệp		8 TC
1	Thực tập nghiệp vụ quản trị 1	DC4QT21	4
2	Thực tập nghiệp vụ quản trị 2	DC4QT22	4
7.1.2.3.2	Thực tập tốt nghiệp		4 TC
3	Thực tập tốt nghiệp	DC4QT70	4
7.1.2.3.3	Khóa luận tốt nghiệp		8 TC
4	Khóa luận tốt nghiệp	DC4QT80	8

7.2. Khung chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
I	Kiến thức giáo dục đại cương		36				
	* Học phần bắt buộc		32				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	DC1LL01	2	21	18		
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	DC1LL02	3	30	30		DC1LL01
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC1LL03	2	21	18		DC1LL02
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DC1LL04	3	30	30		DC1LL03
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	DC1LL05	2	30			
6	Tiếng Anh 1	DC1CB31	4	45	30		
7	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4	45	30		DC1CB31
8	Toán 1	DC1CB17	4	60			
9	Toán 2	DC1CB18	2	30			DC1CB17
10	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB19	3	45			DC1CB18
11	Tin học đại cương	DC1TT42	3	30	30		
12	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	DC1TD01	1 đvht	8	22		
13	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	DC1TD02	1 đvht	8	22		
14	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht	8	22		
15	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht	3	27		
16	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	DC1TD05	1 đvht	3	27		
17	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	DC1QP01	3	45			DC1LL04
18	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	DC1QP02	2	30			
19	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	DC1QP03	3	15	60		

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
	* Học phần tự chọn		4/8				
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2	30			
2	Tâm lý học đại cương	DC1CB85	2	30			
3	Đại cương về bảo hiểm	DC1CB86	2	30			
4	Soạn thảo văn bản	DC1CB82	2	30			
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		107				
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		41				
	* Học phần bắt buộc		35				
1	Kinh tế vi mô	DC2KV61	3	45			
2	Kinh tế vĩ mô	DC2KV62	3	45			DC2KV61
3	Nguyên lý thống kê kinh tế	DC2KV71	3	30	30		
4	Marketing căn bản	DC2KV74	3	45			DC2KV61
5	Quản trị học	DC2KV73	3	45			DC2KV62
6	Nguyên lý kế toán	DC2KV68	3	45			
7	Tài chính - Tiền tệ	DC2KV67	3	45			DC1LL02
8	Pháp luật kinh tế	DC2KV77	3	45			DC1LL05
9	Kinh tế lượng	DC2KV63	3	45			DC1CB18
10	Chiến lược phát triển doanh nghiệp	DC2QT83	2	30			DC2KV74
11	Kế toán doanh nghiệp	DC2KV80	4	60			DC2KV68
12	Văn hóa kinh doanh	DC2CB94	2	30			
	* Học phần tự chọn		6/12				
1	Kinh tế xây dựng	DC2KV65	2	30			
2	Thương mại điện tử	DC2KV90	2	30			DC2KV74
3	Kinh tế quốc tế	DC2KV82	2	30			DC2KV62
4	Kinh tế vận tải	DC2KV84	2	30			DC2KV63
5	Kinh tế phát triển	DC2KV83	2	30			DC2KV62
6	Thị trường chứng khoán	DC2KV92	2	30			DC2KV67
II.2	Kiến thức ngành		46				
	* Học phần bắt buộc		40				
1	Tiếng Anh 3	DC3QT33	3	30	30		DC1CB32
2	Quản trị tài chính doanh nghiệp	DC3QT64	3	45			DC2KV67
3	Thống kê kinh doanh	DC3KV31	2	30			DC2KV71
4	Phân tích hoạt động kinh doanh	DC3KV32	3	45			DC3QT64

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
5	Quản trị sản xuất 1	DC3QT61	3	45			DC2KV73
6	Quản trị sản xuất 2	DC3QT62	3	45			DC3QT61
7	Quản trị nhân sự	DC3QT65	3	30	30		DC2KV73
8	Quản trị marketing	DC3QT66	3	30	30		DC2KV74
9	Quản trị chất lượng	DC3QT67	2	30			DC2KV73
10	Quản trị dự án đầu tư	DC3QT68	3	45			DC3QT61
11	Quản trị chiến lược	DC3QT63	3	45			DC2QT83
12	Quản trị doanh nghiệp	DC3QT51	3	45			DC2KV73
13	Đồ án Quản trị doanh nghiệp	DC3QT52	2			90	DC3QT51
14	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	DC3QT12	2	30			DC2KV74
15	Quản trị hành chính văn phòng	DC3QT53	2	30			DC2KV73
	* Học phần tự chọn		6/10				
1	Hệ thống thông tin quản lý	DC3QT94	2	30			DC3QT64
2	Tâm lý học trong quản trị	DC3QT11	2	30			
3	Quản trị rủi ro	DC3QT69	2	30			DC3QT64
4	Quản trị Logistic	DC3QT70	2	30			DC3QT61
5	Quản trị thương hiệu	DC3QT71	2	30			DC2KV74
II.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và khóa luận tốt nghiệp		20				
1	Thực tập nghiệp vụ quản trị 1	DC4QT21	4			180	DC3QT62
2	Thực tập nghiệp vụ quản trị 2	DC4QT22	4			180	DC3QT51
3	Thực tập tốt nghiệp	DC4QT70	4			180	DC4QT21
4	Khóa luận tốt nghiệp	DC4QT80	8			480	DC4QT70
	Tổng cộng		143				

8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ							
			I	II	III	IV	V	VI	VII	IX
8.1	Kiến thức giáo dục đại cương	36								
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2							
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3		3						

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ							
			I	II	III	IV	V	VI	VII	III
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2				
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3					3			
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	2		2						
6	Tiếng Anh 1	4			4					
7	Tiếng Anh 2	4				4				
8	Toán 1	4	4							
9	Toán 2	2		2						
10	Lý thuyết xác suất - thống kê	3		3						
11	Tin học đại cương	3		3						
12	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	1 đvht	1							
13	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	1 đvht		1						
14	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 đvht			1					
15	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	1 đvht				1				
16	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	1 đvht					1			
17	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	3			3					
18	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	2			2					
19	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK (CKC)	3				3				
20	Tự chọn 1	2	2							
21	Tự chọn 2	2	2							
8.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	107								
8.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	41								
22	Kinh tế vi mô	3	3							
23	Kinh tế vĩ mô	3		3						
24	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3							
25	Marketing căn bản	3		3						
26	Quản trị học	3			3					
27	Nguyên lý kế toán	3				3				
28	Tài chính - Tiền tệ	3			3					
29	Pháp luật kinh tế	3			3					
30	Kinh tế lượng	3			3					
31	Chiến lược phát triển doanh nghiệp	2						2		
32	Kế toán doanh nghiệp	4						4		
33	Văn hóa kinh doanh	2	2							
34	Tự chọn 3	2				2				
35	Tự chọn 4	2					2			
36	Tự chọn 5	2				2				

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ							
			I	II	III	IV	V	VI	VII	IX
8.2.2	Kiến thức ngành	46								
37	Tiếng Anh 3	3						3		
38	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3					3			
39	Thông kê kinh doanh	2				2				
40	Phân tích hoạt động kinh doanh	3							3	
41	Quản trị sản xuất 1	3				3				
42	Quản trị sản xuất 2	3					3			
43	Quản trị nhân sự	3					3			
44	Quản trị marketing	3					3			
45	Quản trị chất lượng	2						2		
46	Quản trị dự án đầu tư	3						3		
47	Quản trị chiến lược	3							3	
48	Quản trị doanh nghiệp	3							3	
49	Đồ án Quản trị doanh nghiệp	2							2	
50	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	2			2					
51	Quản trị hành chính văn phòng	2				2				
52	Tự chọn 6	2					2			
53	Tự chọn 7	2			2					
54	Tự chọn 8	2							2	
8.2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và khóa luận tốt nghiệp	20								
55	Thực tập nghiệp vụ quản trị 1	4						4		
56	Thực tập nghiệp vụ quản trị 2	4							4	
57	Thực tập tốt nghiệp	4								4
58	Khóa luận tốt nghiệp	8								8
	Tổng cộng	143	18	19	20	20	19	18	17	12

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo Đại học Quản trị doanh nghiệp thuộc ngành đào tạo Quản trị kinh doanh

- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 7 gồm 2 phần:

+ Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;
+ Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.

- Trong đề cương chi tiết học phần cần nêu rõ những nội dung trọng tâm phải kiểm tra và những sách, giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo (nêu rõ tên tài liệu, tác giả và năm xuất bản); để sinh viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những sách, tài liệu nào, ở đâu.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và hướng dẫn của Trường.

- Chương trình đào tạo thiết kế cho 8 học kỳ chính. Ngoài 8 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ vào thời gian hè để sinh viên có điều kiện học lại; học bù hoặc học vượt.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ có tính chất định hướng (dự kiến) để sinh viên đăng ký khối lượng học tập, giảng viên cố vấn học tập cho sinh viên. Căn cứ vào khối lượng học tập sinh viên đăng ký theo từng học phần, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa/Bộ môn biên chế lớp học trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hàng kỳ, căn cứ tình hình thực tế và khối lượng của các học phần, phòng Đào tạo và các khoa cần điều chỉnh cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện chương trình, Khoa/Bộ môn thấy cần điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, báo cáo lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường trình Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

TS. ĐỖ NGỌC VIỆN